

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

Bản án số: 30/2020/HSST

Ngày: 04/5/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Cường.

2. Ông Nguyễn Bá Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Thái Bình - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 04/05/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 34/2020/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Tường G. Sinh ngày 28/11/1992 tại Gia Lai; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Hẻm số 36 đường CMT, Tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn G: Không; Quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1972 và bà Lê Thị Ngọc Đ - sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: 01 tiền án: Từ ngày 10/3/2010 đến ngày 07/4/2010, thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; tại Bản án số 106/2010/HSST ngày 28/9/2010 của Tòa án nhân dân thành phố P, xét xử tuyên phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 2, Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 07/4/2012, chấp hành xong hình phạt tù.

Từ ngày 17/02/2013 đến ngày 02/3/2013, thực hiện hành vi cướp giật tài sản; Tại Bản án số 114/2013/HSST ngày 13/8/2013 của Tòa án nhân dân thành phố P, xét xử tuyên phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngày 19/3/2019, chấp hành xong hình phạt tù. Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam T20 - Công an tỉnh Gia Lai, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng:

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1972; địa chỉ: Hẻm 36 CMT, tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: Hẻm 36 CMT, tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* Người làm chứng: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 1, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 02 giờ ngày 23/11/2019, tại đường hẻm số 169 đường NTT, tổ 4, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi Nguyễn Văn Tường G đang tàng trữ 0,7646 gam chất ma túy loại Methamphetamine để sử dụng, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Bị cáo có sử dụng ma túy, khoảng 21 giờ ngày 13/11/2019, bị cáo đi bộ đến đường NTTH, thành phố P, tỉnh Gia Lai, gặp Tài và đã mua của Tài 01 gói ma túy (loại Methamphetamine) với giá 1.200.000 đồng. Sau đó, bị cáo mang gói ma túy trên về nhà cha, mẹ của bị cáo tại hẻm số 36 đường CMT, tổ 6, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khi về nhà, bị cáo lấy một ít ma túy ra để sử dụng; số còn lại bị cáo phân chia thành 03 phần đựng vào trong gói ni lon và để vào trong 01 đoạn ống hút nhựa rồi dùng bật lửa hơi dán kín lại, với mục đích để sử dụng dần. Đến 02 giờ ngày 23/11/2019, khi bị cáo mang theo trong người (trong túi áo khoác) 03 gói nilon và 01 đoạn ống hút nhựa có chứa chất ma túy và đang đi bộ trên đường hẻm số 169 đường NTT, tổ 4, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P phát hiện bắt quả tang thu giữ: 03 gói ni lon và 01 đoạn ống hút nhựa và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobicall B221 màu đen, kèm sim số, mặt sau sim có dãy số 8984.04800.00526.28620

Tại Cáo trạng số 41/CTr-VKS ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố Nguyễn Văn Tường G về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm c, Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tường G từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2019.

Qua trưng cầu giám định, tại Bản kết luận giám định số 15/KLGĐ ngày 29/11/2019, của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: “Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 03 gói nilon và 01 đoạn ống nhựa, trong bì thư gửi niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,7646 gam”

Đối với chất ma túy loại Methamphetamine còn lại sau giám định, đã được niêm phong trong một bì dán kín ghi số 15/PC09 ngày 29/11/2019, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Bản kết luận giám định số 15/KLGD ngày 29/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Ý kiến của người tham gia tố tụng:

- Người làm chứng ông Phạm Văn N (Lời khai tại hồ sơ): Ông chứng kiến việc bị cáo bị bắt quả tang khi đang tàng trữ ma túy và xác nhận khi bị bắt quả tang bị cáo khai chất đang tàng trữ là ma túy loại để sử dụng.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị Ngọc Đ (là cha, mẹ của bị cáo): Việc bị cáo mua ma túy mang về nhà cất giấu, rồi phân chia ra để sử dụng thì ông L và bà Đ không biết.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như lời khai của người làm chứng, biên bản khám xét và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn Tường G đã tàng trữ ma túy để sử dụng. Lượng ma túy thu được của bị cáo là 0,7646 gam chất ma túy loại Methamphetamine; hành vi của bị cáo đã phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đối với bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Ma túy là chất thuộc phạm vi độc quyền quản lý của Nhà nước. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, hành vi này không chỉ tác động có hại trực tiếp đối với người sử dụng mà còn đối với cộng đồng xã hội. Hành vi này kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, ảnh hưởng đến sự bình yên của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo phải nghiêm trị để răn đe và phòng ngừa chung đối với tội phạm.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi của bị cáo: Bản thân bị cáo là người sử dụng ma túy, bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy, nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu bản thân, bị cáo đã tàng trữ ma túy để sử dụng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, xâm

phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước. Bản thân bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về các tội phạm do cố ý, trong đó có tội chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội, điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật và hành vi của bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, cần quyết định cho bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện để bị cáo cải tạo bản thân là cần thiết.

[5] Xét bị cáo quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay đã thành khẩn khai báo, hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định mức hình phạt.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo không thu lợi cho nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với, đối tượng thanh niên tên Tài ở thành phố P mà bị cáo khai nhận là người đã bán ma túy cho bị cáo, quá trình điều tra do bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ của đối tượng trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa có căn cứ xử lý. Hiện Cơ quan điều tra Công an thành phố P đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được đối tượng nêu trên, sẽ xem xét và xử lý sau là phù hợp.

[8] Xử lý vật chứng: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Mobiistar B221 màu đen, kèm sim số, mặt sau sim có dãy số 8984.04800.00526.28620 màu đen là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo; 01 (một) bì dán kín ghi số 15/PC09 ngày 29/11/2019, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai là vật cấm tàng trữ, lưu hành không có giá trị sử dụng cần tiêu hủy.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Tường G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2/ Về điều luật áp dụng:

- Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ các Điểm a và c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

3/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tường G **02 (hai)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/11/2019.

4/ Các vấn đề khác:

- Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại cho Nguyễn Văn Tường G: 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar B221 màu đen, kèm sim số, mặt sau sim có dãy số 8984.04800.00526.28620 (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong);

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì dán kín ghi số 15/PC09 ngày 29/11/2019 có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai (có chữ ký niêm phong của Hoàng Việt, Lê Tiến Long, Bùi Sĩ Thà).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/3/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

- Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Tường G phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- UBND phường H;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thu Hương